

TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		214.380.049.396	42.639.112.535
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		467.673.636	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	213.912.375.760	42.639.112.535
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	128.622.242.583	2.378.431.016
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		85.290.133.177	40.260.681.519
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.125.335.211	1.112.508.822
7. Chi phí tài chính	22		148.625.806	3.616.666
trong đó, chi phí lãi vay	23		147.261.767	3.616.666
8. Chi phí bán hàng	24		15.471.745.339	10.848.558.488
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	19.715.508.044	10.182.473.134
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53.079.589.199	20.338.542.053
11. Thu nhập khác	31	6.4	19.636.141.922	31.504.215
12. Chi phí khác	32		419.897.482	11.732.100
13. Lợi nhuận khác	40		19.216.244.440	19.772.115
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		72.295.833.639	20.358.314.168
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		19.116.462.753	4.239.526.936
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		53.179.370.886	16.118.787.232
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		2.428.697.354	(46.170.967)
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		50.750.673.532	16.164.958.199
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	5.16.3	6.344	2.021

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐỖ THỊ THÁI

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC**LƯƠNG TRÍ THÌN**